

ĐIỀU LỆ

HỘI KHOẺ PHÙ ĐỒNG TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ X NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ - SGDDT ngày tháng năm 2019
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. MỤC ĐÍCH , YÊU CẦU

1. Mục đích

Hội khỏe Phù Đồng (HKPD) là Đại hội Thể dục thể thao (TDTT) học sinh phổ thông nhằm:

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh phổ thông để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Tổng kết, đánh giá công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường phổ thông;

- Phát hiện năng khiếu và những tài năng thể thao của học sinh phổ thông nhằm bồi dưỡng đào tạo tài năng thể thao cho tỉnh nhà.

2. Yêu cầu

- Trường phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện (thành phố); Hiệu trưởng các trường THPT trong tỉnh phổ biến quán triệt mục đích, ý nghĩa của HKPD đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh trong đơn vị quản lý và chỉ đạo tổ chức HKPD các cấp theo quy định của Điều lệ với mục tiêu: Vận động đông đảo học sinh tham gia rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Tăng cường cơ sở vật chất, sân tập, nhà tập và các trang thiết bị dụng cụ để phục vụ cho việc dạy và học môn thể dục, tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa và thi đấu thể thao trong trường học;

- Chỉ đạo tổ chức HKPD từ cấp trường đến cấp Huyện, Thành phố trên cơ sở các môn thi của HKPD cấp tỉnh, tăng cường các môn thi thể thao dân tộc và các nội dung thi đơn giản phù hợp với đặc thù của từng trường, từng địa phương với mục đích chủ yếu là nâng cao sức khoẻ rèn luyện thể chất cho học sinh, tuyển chọn lực lượng vận động viên học sinh tham dự HKPD cấp tỉnh năm 2020;

- HKPD các cấp phải được tổ chức tuyệt đối an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức, phô trương, lãng phí;

- Thực hiện nghiêm Chi thị 15/2002/CT-TTg, ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao và Chi thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục.

Điều 2. TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO

1. HKPD cấp trường: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban Tổ chức HKPD cấp trường, trong đó Hiệu trưởng là Trưởng Ban Tổ chức và các ủy viên gồm: Các giáo viên bộ môn thể dục, các giáo viên chủ nhiệm và cán bộ phụ trách đoàn, đội...

2. HKPD cấp huyện (thành phố): Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (thành phố) ra Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD cấp huyện (thành phố).

- Phó Chủ tịch UBND huyện (thành phố) làm Trưởng ban Chỉ đạo;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (thành phố) làm Trưởng ban Tổ chức;

Các thành viên khác của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức gồm: Lãnh đạo, chuyên viên của phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện (thành phố), các cơ quan ban ngành liên quan.

Điều 3. CÁC MÔN VÀ NỘI DUNG THI ĐẤU:

1. Các môn thể thao và nội dung thi đấu: Gồm 16 môn thể thao

1.1. Điền kinh: Tiểu học (TH), trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT), (nam, nữ)

1.2. Bơi lội: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

1.3. Bóng bàn: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

1.4. Bóng chuyền: THCS, THPT (nam, nữ)

1.5. Bóng đá: TH (Nam), THCS (nam), THPT (nam, nữ)

- Tiểu học (5 người)
- Trung học cơ sở (7 người);
- Trung học phổ thông:
 - + Nữ (5 người)
 - + Nam (11 người)

1.6. Bóng rổ: THCS, THPT (nam, nữ)

- 1.7. Cầu lông: THCS, THPT (nam, nữ)
- 1.8. Đá cầu: Tiểu học, THCS, THPT (nam, nữ)
- 1.9. Thể dục Aerobic: Tiểu học, THCS, THPT
- 1.10. Đẩy gậy: THCS (nam, nữ)
- 1.11. Môn Cờ vua: TH, THCS và THPT, theo các lứa tuổi (nam, nữ)
- 2.12. Môn Karatedo: THCS, THPT (nam, nữ)
- 2.13. Môn Taekwondo: THCS, THPT (nam, nữ)
- 2.14. Môn Võ cổ truyền: THCS, THPT (nam, nữ)
- 2.15. Môn Vovinam: THCS, THPT (nam, nữ)
- 2.16. Môn Kéo co: THCS, THPT (nam, nữ)

2. Các môn thể thao thi đấu cấp trường, huyện và thành phố

Căn cứ vào số môn thể thao quy định tại HKPD cấp tỉnh và phong trào thể thao, điều kiện cụ thể của địa phương, Điều lệ có thể qui định các nội dung môn thi đấu tại HKPD cấp trường, huyện, thành phố cho phù hợp nhằm thu hút đông đảo học sinh tham gia tập luyện và thi đấu.

Điều 4. ĐƠN VỊ VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Đơn vị tham gia: Phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện (thành phố), các trường THPT là một đơn vị tham gia.

2. Đối tượng:

2.1. Đối tượng được tham gia HKPD

a) Những học sinh (năm học 2019 – 2020) đang học tại các loại hình trường theo chương trình phổ thông, bao gồm: trường TH, THCS và THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học, học sinh học tại trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường bổ túc văn hóa và các loại hình học tập khác;

b) Học sinh có đủ sức khỏe thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký tham gia;

c) Học sinh THCS, THPT có kết quả xếp loại học lực từ trung bình trở lên và hạnh kiểm từ khá trở lên (*không áp dụng đối với học sinh học TH*).

2.2. Đối tượng không được tham gia HKPD

Học sinh là vận động viên đang được đào tạo tại các trung tâm đào tạo vận động viên của tỉnh, thành phố, quốc gia và trường năng khiếu TDTT, trường phổ thông năng khiếu TDTT; học sinh đã tham gia các giải vô địch quốc gia về các môn thể thao; các học sinh đã đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc và Huy chương Đồng tại các giải trẻ quốc gia (từ U17 trở lên) của các môn thể thao do Tổng cục TDTT và các liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức.

2.3. Đối tượng học sinh chuyên trường

Đối với những học sinh được chuyển từ trường năng khiếu TDTT hoặc trường phổ thông năng khiếu TDTT về học tại các loại hình trường theo quy định tại điểm a, khoản 2.1. Điều 4 của Điều lệ này, phải được chuyển trước tháng 9 năm 2018.

2.3. Quy định về độ tuổi như sau:

- Tiểu học: 11 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2008);
- + Độ tuổi: 6 - 9 tuổi (sinh từ 01/01/2011 đến 31/12/2014);
- + Độ tuổi: 10 - 11 tuổi (sinh từ 01/01/2009 đến 31/12/2010);
- Trung học cơ sở: 15 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2004);
- + Độ tuổi: 12 - 13 tuổi (sinh từ 01/01/2007 đến 31/12/2008);
- + Độ tuổi: 14 - 15 tuổi (sinh từ 01/01/2005 đến 31/12/2006);
- Trung học phổ thông: 18 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2002);
- + Độ tuổi: 16 - 17-18 tuổi (sinh từ 01/01/2002 đến 31/12/2003);

2.4. Học sinh ở cấp học dưới quá tuổi theo qui định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định ở cấp học đó. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị, ở 01 cấp học và thi đấu 01 môn thể thao.

Điều 5. ĐĂNG KÝ THAM GIA THI ĐẤU

1. Hồ sơ tham gia thi đấu

1.1. Danh sách học sinh đăng ký tham gia HKPĐ tỉnh lần thứ X năm 2020 do Trường phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường THPT ký tên và đóng dấu gồm:

- 01 bản đăng ký sơ bộ số lượng vận động viên (VĐV) sẽ tham gia thi đấu các môn thể thao (theo mẫu 2);
- 02 bản đăng ký tổng hợp danh sách chính thức tham gia HKPĐ (mẫu 3);
- 02 bản đăng ký chi tiết cụ thể từng môn thi đấu (nam riêng, nữ riêng cho từng cấp học), (theo mẫu 4);
- 02 ảnh (3x 4 cm) của mỗi thành viên trong đoàn (theo mẫu 5).

1.2. Giấy khai sinh bản chính hoặc giấy khai sinh bản sao theo đúng quy định của Nhà nước. Thời gian sao giấy khai sinh phải trước tháng 8 năm 2019.

1.3. Bản phô tô học bạ: trang 1 (có trích ngang: họ và tên, ngày tháng năm sinh, lớp, trường...vv của học sinh) và trang có ghi kết quả học tập, rèn luyện năm học 2019-2020 của học sinh, có xác nhận, đóng dấu của hiệu trưởng nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp;

1.4. Giấy khám sức khỏe của từng học sinh do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện trở lên cấp và xác nhận có đủ sức khỏe tham gia nội dung mà học sinh sẽ thi đấu.

1.6. Phiếu thi đấu: (theo mẫu 1)

Ghi chú: Giấy khám sức khỏe, phiếu thi đầu và học bạ pho to Ban Tổ chức sẽ lưu giữ. Giấy khai sinh sẽ trả lại sau khi kết thúc HKPD.

2. Thời hạn đăng ký hồ sơ:

2.1. Thời hạn đăng ký sơ bộ các nội dung của các môn thi đầu (theo mẫu 2) trước ngày 05/2/2020.

2.2. Các mẫu hồ sơ còn lại trước ngày 10/2/2020.

Đăng ký gửi về theo địa chỉ sau: Phòng Nghiệp vụ 1 – Sở Giáo dục và Đào tạo; Email: dinhnamgdtrh2006@gmail.com;

3. Các quy định khác

3.1. Chỉ tổ chức thi đầu khi mỗi nội dung của môn thi đầu phải có tối thiểu 03 VĐV của 3 đơn vị trở lên tham gia thi đầu.

3.2. Trang phục:

- Trang phục trình diễn đồng phục theo đoàn và phải in rõ tên đơn vị lên trang phục;
- Trang phục thi đầu theo quy định của Điều lệ, luật của môn thi đầu và phải in rõ tên đơn vị lên trang phục.

3.3. Trưởng đoàn là lãnh đạo phòng GDĐT; hiệu trưởng THPT và các cán bộ phụ trách từng môn thi phải là các cán bộ, giáo viên thuộc ngành giáo dục do phòng GDĐT; hiệu trưởng THPT quyết định.

3.4. Huấn luyện viên và chỉ đạo viên từng nội dung thi do Lãnh đạo phòng GDĐT; hiệu trưởng THPT quyết định.

3.5. Trưởng phòng GDĐT; hiệu trưởng THPT phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Sở GDĐT về nhân sự của đơn vị mình.

Điều 6. THỜI GIAN TỔ CHỨC HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG

1. Hội khỏe Phù Đổng cấp trường kết thúc đến ngày 31/11/2019.
2. Hội khỏe Phù Đổng cấp Huyện, Thành phố kết thúc đến ngày 10/01/2020.
3. Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh khai mạc dự kiến vào ngày 22/02/2020 tại thành phố Biên Hòa.

Ban tổ chức sẽ có thông báo cụ thể về địa điểm, thời gian, lịch thi đầu sau cho các đơn vị.

Điều 7. TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG

1. Điểm từng nội dung thi (cá nhân, đôi, đồng đội, tập thể) của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ thứ 1 đến thứ 10, cách tính như sau:

- Xếp hạng 1=11 điểm; xếp hạng 2=9 điểm; xếp hạng 3=8 điểm; xếp hạng 4=7 điểm; xếp hạng 5=6 điểm (thứ 5 đến thứ 8 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 6=5 điểm; xếp hạng 7=4 điểm; xếp hạng 8=3 điểm;

xếp hạng 9=2 điểm (thứ 9 đến thứ 16 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 10 =1 điểm;

- Đối với các nội dung được chia bảng thi đấu vòng tròn để chọn 2 đội vào thi đấu vòng sau, được tính điểm như sau:

+ Hai bảng: Xếp hạng 3=6 điểm; xếp hạng 4=4 điểm; xếp hạng 5=2 điểm;

+ Bốn bảng: Xếp hạng 3=2 điểm.

2. Các môn thi kết thúc được trao huy chương, tính điểm theo khoản 1 của Điều 7 của Điều lệ này .

3. Điểm thưởng:

Điểm các môn thi tập thể:

- Thi đấu: Bóng đá (11 người) nhân hệ số 3; Bóng đá (7 người, 5 người), Bóng rổ, Bóng chuyền và Thể dục nội dung thi 8 người được nhân hệ số 2;

4. Điểm từng môn của HKPD:

- Điểm môn thi: Là tổng điểm các nội dung thi của môn thi mà đơn vị đạt được.

5. Xếp hạng môn thi: Được tính thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng của đơn vị đạt được và cuối cùng là bốc thăm.

6. Điểm toàn đoàn của HKPD: Là tổng điểm các môn thi của đơn vị đạt được tại HKPD.

7. Điểm toàn đoàn của HKPD tỉnh lần thứ X năm 2020: Là tổng điểm các môn thi của đơn vị cộng với tổng điểm các môn thi (nhân hệ số 2).

8. Xếp hạng toàn đoàn của HKPD tỉnh lần thứ X năm 2020 theo điểm: Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng.

Chương II

ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 8. MÔN ĐIỀN KINH

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung:

2.1. TH: Chạy 60m, bật xa tại chỗ (nam, nữ).

2.2. THCS:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao.

2.3. THPT:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, tiếp sức 4 x 100m, 4 x 100m hỗn hợp nam nữ, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV và một đội tiếp sức (được lấy bất kỳ VĐV có tên trong đăng ký thi đấu). Mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung (Không kể nội dung tiếp sức).

4.2. Đủ 03 vận động viên của 03 đơn vị trở lên ở mỗi nội dung thì mới tổ chức thi đấu nội dung đó.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 9. MÔN BƠI

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

2.1. TH:

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ).

2.2. THCS:

* Độ tuổi 12-13

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ);

* Độ tuổi 14-15

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);

- Bơi ếch: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x100m tự do (nam,nữ), 4x50m hỗn hợp (nam, nữ).

2.3. THPT:

- Bơi tự do: 50m,100m, 200m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m, 200m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m, 100m (nam, nữ);
- Hỗn hợp: 200m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4 x 100m tự do (nam, nữ).

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đội tiếp sức.

4. Số lượng tham gia

- Trong mỗi cự ly của từng lứa tuổi, mỗi đơn vị được cử 02 VĐV và một đội tiếp sức dự thi;

- Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 03 cự ly (kể cả tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 10. MÔN BÓNG BÀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

2.1. TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp và đồng đội nam, đồng đội nữ.

2.2. THCS:

- + Độ tuổi: 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;
- + Độ tuổi: 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;
- + Đồng đội nam, đồng đội nữ (chung cho cả 2 độ tuổi).

2.3. THPT: Đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu:

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 4 trận đơn và 1 trận đôi và mỗi đội 03 VĐV, mỗi VĐV chỉ được thi đấu 2 trận.

Thứ tự trận đấu:

Trận 1: A gặp X

Trận 2: B gặp Y

Trận 3: A + C gặp X + Z

Trận 4: B gặp Z

Trận 5: C gặp Y

- Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

- Nếu có từ 32 đội trở xuống: Thi đấu theo 2 giai đoạn.

+ Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Giải đơn, giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp

- TH và THCS: Các trận đều thi đấu trong 5 ván;

- THPT: Đơn thi đấu trong 7 ván; đôi và đồng đội thi đấu trong 5 ván;

(các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu).

4. Số lượng VĐV tham dự: Mỗi đơn vị được đăng ký số lượng VĐV tham dự ở mỗi cấp học như sau:

4.1. TH: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

4.2. THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV), giải đơn và đôi được chia thi đấu theo 02 lứa tuổi (12 - 13 tuổi và 14 - 15 tuổi) mỗi lứa tuổi được cử 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ.

4.3. THPT: 01đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

4.4. Mỗi VĐV được phép thi đấu tối đa 02 nội dung không kể đồng đội.

5. Luật thi đấu:

5.1. Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.3. Bóng thi đấu: Bóng Song Hỷ màu trắng có đường kính 40mm.

5.4. Trang phục thi đấu:

- Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi;

- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu;

- Áo thi đấu của các vận động viên khi tham gia giải đồng đội, đôi và đơn phải có tên đơn vị in đằng sau lưng.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trận đấu trực tiếp xếp trên, nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng / trận thua, tổng ván thắng/ ván thua, tổng điểm thắng/ điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 11. MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

2.1. THCS: Bóng chuyền nam, nữ (6-6).

2.2. THPT: Bóng chuyền nam, nữ THPT (6 - 6).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp quyết thắng (hiệp 3) thi đấu 15 điểm.

3.1. Nếu có từ 32 đội trở xuống thi đấu theo phương thức sau:

- Giai đoạn I: Chia bảng đấu vòng tròn 1 lượt để chọn 2 đội nhất, nhì các bảng vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

- Giai đoạn II: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Nếu có trên 32 đội: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu:

5.1. Áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Sẽ do Ban Tổ chức quyết định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

6.1. Cách tính điểm trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.

6.2. Xếp hạng: Theo luật Bóng chuyền hiện hành.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 12. MÔN BÓNG ĐÁ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung: Bóng đá 5 người, 7 người và Bóng đá 11 người.

- 2.1. TH: Bóng đá nam 5 người
- 2.2. THCS: Bóng đá nam 7 người
- 2.3. THPT:

- Bóng đá nữ 5 người;
- Bóng đá nam 11 người.

3. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký:

- 3.1. TH: 01 đội gồm 12 VĐV.
 - 3.2. THCS: 01 đội gồm 14 VĐV.
 - 3.3. THPT:
- 01 đội nữ gồm 12 VĐV;
 - 01 đội nam gồm 20 VĐV.

4. Thể thức thi đấu:

Tùy vào số lượng các đội đăng ký, thể thức thi đấu do Ban Tổ chức quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Luật thi đấu:

5.1. Áp dụng Luật Bóng đá: 5 người, 11 người hiện hành của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và Luật thi đấu Bóng đá 7 người do Ủy ban TDTT (nay là Tổng cục TDTT) ban hành và các văn bản bổ sung sửa đổi luật mới nhất của FIFA ban hành.

5.2. TH: Bóng số 4 (bóng không nảy nếu thi đấu trong nhà thi đấu).

5.3. THCS, THPT (nam, nữ): Bóng số 5.

5.4. Đối với TH: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

5.7. Đối với THCS và nữ THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 25 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

5.8. Đối với nam THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 35 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 15 phút).

5.9. Giày thi đấu: Thi đấu trong nhà dùng giày bata đế cao su thường. Thi đấu ngoài trời có thể dùng giày đế mềm có núm chống trơn. Đối với bóng đá nam THPT, dùng giày da chuyên dùng cho bóng đá sân lớn (11 người).

5.10. Phải có bọc ống quyển theo quy định của Luật bóng đá hiện hành (đối với tất cả các cấp học, kể cả nữ).

5.11 Quy định về thay người đối với THPT nam được phép thay 05 cầu thủ trong một trận đấu.

6. Cách tính điểm: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

6.1. Tính điểm để xếp hạng đấu vòng tròn: Thắng 3 điểm – hoà 1 điểm - thua 0 điểm.

* Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

- Số điểm;
- Hiệu số bàn thắng và số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số trên bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong giải theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng và tổng số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội trên.

6.3. Thi đấu theo thể thức loại trực tiếp: Không có trận hoà. Nếu hoà trong 2 hiệp chính sẽ thi đá phạt luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

6.4. Tính điểm vào kết quả HKPD tỉnh:

- Điểm của các đơn vị đạt được: Đội đạt giải nhất được 11 điểm, hạng nhì 9 điểm, hạng ba 8 điểm. Các đội thứ ba vòng bảng được 6 điểm, các đội thứ tư vòng bảng được 4 điểm; nếu ít đội tham gia thì đấu vòng tròn 1 lượt, đội nhất được 11 điểm, đội nhì 9 điểm và lùi dần 1 điểm cho các đội xếp hạng sau tiếp theo.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 13. MÔN BÓNG RỔ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Đồng đội nam, nữ.

2.1. THCS nam, nữ.

2.2. THPT nam, nữ.

3. Thể thức thi đấu: Đồng đội nam và nữ

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

+ Đội hình thi đấu chính thức gồm 05 người.

+ Mỗi trận đấu gồm 04 hiệp, mỗi hiệp 10 phút.

+ Nghỉ giữa hiệp 1 – hiệp 2 và hiệp 3 – hiệp 4 là 02 phút.

+ Nghỉ giữa hiệp 2 - hiệp 3 là 05 phút.

+ Nếu 2 đội hòa nhau thì thi đấu 01 hoặc nhiều hiệp phụ cho đến khi xác định đội thắng – thua, mỗi hiệp phụ là 05 phút.

+ Mỗi nội dung có 03 đơn vị tham gia mới được tổ chức thi đấu.

+ Tùy theo số lượng đăng ký thi đấu, Ban tổ chức sẽ quy định thể thức bốc thăm chia bảng, loại trực tiếp 1 lần thua hay vòng tròn tính điểm.

5. Luật thi đấu:

5.1. Áp dụng Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành năm 2015 của Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7- Chương I của Điều lệ này.

Tính điểm và xếp hạng: theo Luật Bóng rổ hiện hành.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 14. MÔN CỜ VUA

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, cờ nhanh cho tất cả các độ tuổi.

2.1. TH: thi đấu theo 2 độ tuổi (6 - 9 tuổi, 10 - 11 tuổi).

2.2. THCS: thi đấu theo 2 độ tuổi (12 - 13 tuổi, 14 - 15 tuổi).

2.3. THPT: thi đấu theo 2 độ tuổi (16 tuổi, 17 - 18 tuổi).

4. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đồng đội.

4.1. Theo hệ Thụy sĩ trong 7 ván nếu có từ 11 đến 20 VĐV hoặc 9 ván nếu có 21 VĐV trở lên. Trường hợp nếu có 10 VĐV trở xuống thì thi đấu vòng tròn 1 lượt.

4.2. Thời gian thi đấu cho mỗi đấu thủ là: 90 phút để hoàn thành ván cờ đối với cờ tiêu chuẩn, 25 phút đối với cờ nhanh

5. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 2 VĐV nam và 2 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, mỗi nội dung thi đấu.

6. Luật thi đấu: Theo Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Cách tính điểm xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

7.1. Xếp hạng cá nhân theo điểm, tổng điểm đối kháng trong nhóm bằng điểm, hệ số Bucholz, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

7.2. Xếp hạng đồng đội: Tổng điểm đạt được theo xếp hạng của 02 VĐV nam hoặc 2 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, nếu bằng nhau thì tính tổng thứ hạng, nếu bằng nhau thì đội có VĐV xếp hạng cá nhân cao hơn được xếp trên.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 15. MÔN CẦU LÔNG

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu:

2.1. THCS:

- Độ tuổi 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ .

- Độ tuổi 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ

2.2. THPT:

- Đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu:

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 2 trận đơn và 1 trận đôi (mỗi trận thi đấu trong 3 ván) mỗi đội phải có tối thiểu 3 VĐV tham gia thi đấu.

- Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

- Nếu có từ 32 đội trở xuống: Thi đấu theo 2 giai đoạn.

+ Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 4 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã bốc thăm).

3.2. Giải đơn và giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp

THCS và THPT: Các trận đều thi đấu trong 3 ván, thắng 2.

4. Số lượng VĐV dự thi:

4.1. THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội được đăng ký 4 VĐV), giải đơn và giải đôi được chia và thi đấu theo 2 lứa tuổi (12-13 và 14-15) mỗi lứa tuổi được cử 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ phối hợp, 02 đơn nam, 02 đơn nữ.

4.2. THPT: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội được đăng ký 4 VĐV), 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ, 02 đơn nam, 02 đơn nữ.

4.3. VĐV được đăng ký tham gia thi đấu không quá 03 nội dung (kể cả đồng đội).

5. Luật thi đấu:

5.1. Áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên.

5.3. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định (sẽ có thông báo sau).

5.4. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

Tính điểm thi đấu đồng đội để xếp hạng ở vòng I: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trong trận đấu trực tiếp xếp trên. Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/ trận thua; tổng hiệp thắng/ hiệp thua; tổng điểm thắng/tổng điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 16. MÔN ĐÁ CẦU

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

2.2. THCS: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

2.3. THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

3. Số lượng VĐV

3.1. Mỗi đơn vị được đăng ký một đội gồm 6 VĐV nam và 06 VĐV nữ.

3.2. Mỗi đơn vị đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 02 đôi nam nữ; 01 đội nam, 01 đội nữ ở mỗi nội dung thi.

3.3. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 03 nội dung.

4. Thẻ thức thi đấu.

4.1. Thi đấu đội tuyển: Mỗi trận thi đấu được cử 06 VĐV (03 VĐV chính thức và 03 VĐV dự bị).

4.2. Thi đấu đơn và đôi.

- Tùy vào số lượng đăng ký của các đội mà Ban tổ chức sẽ qui định bốc thăm loại trực tiếp hay vòng tròn tính điểm.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Đá cầu hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.1. Cầu thi đấu: Sử dụng quả cầu đá ĐLS (do Công ty cổ phần thể thao ĐLS sản xuất).

5.2. Trang phục thi đấu: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi

5.3. Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau trong trận thi đấu loại trực tiếp.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 17. MÔN THỂ DỤC

1. Đối tượng dự thi và lứa tuổi: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 - Chương I của Điều lệ này.

2. Nội dung: Bao gồm 3 nội dung cho các cấp học TH (Lớp 1-3), TH (Lớp 4-5), THCS, THPT.

- Bài qui định Thể dục cơ bản;
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 3 người;
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 8 người.

2.1. Thi đấu:

- Tiểu học: + Nhóm 1: Lớp 1 – 3 (3 nội dung);
+ Nhóm 2: Lớp 4 – 5 (3 nội dung).
- THCS: Lớp 6 – 9 (3 nội dung).
- THPT: Lớp 10 -12 (3 nội dung).

3. Số lượng VĐV:

- Vận động viên chỉ được phép đăng ký tham gia thi đấu ở một nhóm tuổi duy nhất;
- Mỗi VĐV chỉ được phép tham dự tối đa 2 nội dung cho mỗi nhóm tuổi;
- Mỗi đơn vị, địa phương đều được phép tham gia thi đấu ở các cấp học và đăng ký tham dự tối đa:

- + 01 Bài qui định: 8 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 3 VĐV dự bị;
- + 01 Bài Tự chọn 8 người: 8 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 3 VĐV dự bị;
- + 01 Bài Tự chọn 3 người: 3 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 1 VĐV dự bị.

4. Thể thức thi đấu: Đồng đội; Thi 1 vòng và xếp hạng theo điểm số từ cao xuống thấp cho 1 cấp.

5. Luật thi đấu:

- Đánh giá bài thi theo luật chấm điểm Thể dục Aerobic Hội Khỏe Phù Đổng do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

- Cấu trúc bài thi áp dụng Quy định cấu trúc bài thi theo Luật Thể dục Aerobic Hội Khỏe Phù Đổng do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

- Bài qui định Thể dục cơ bản: là bài Thể dục cấp TH, cấp THCS và cấp THPT được tổ chức thi tại Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Đồng Nai năm 2016. (Bài qui định: cấp TH là bài “Em yêu trường em”, Cấp THCS là bài “Mùa hè”, cấp THPT là bài “Mùa Hè xanh”).

- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 3 người và nhóm 8 người: là bài Thể dục Aerobic do các huấn luyện viên tự biên soạn theo bảng dưới đây:

BẢNG 1 (Cấp Tiểu học)

NỘI DUNG	BÀI TỰ CHỌN 3 NGƯỜI	BÀI TỰ CHỌN 8 NGƯỜI
Thời gian	1'30 ± 10'' (không bao gồm tiếng bíp đầu)	2'00 ± 10'' (không bao gồm tiếng bíp đầu)
Diện tích sàn	7 x 7m	12 x 12m
Đội hình	Tối thiểu 3 đội hình (không tính mở bài và kết thúc)	Tối thiểu 3 đội hình (không tính mở bài và kết thúc)
Tháp	1	1
Vũ đạo 7 bước cơ bản	50%	50%
Động tác Thể dục cơ bản	50%	50%
Kỹ thuật	4 động tác độ khó (1A, 1B, 1C, 1D)	4 động tác độ khó (1A, 1B, 1C, 1D)
Âm nhạc	Bất kỳ loại âm nhạc nào phù hợp với Thể dục Aerobic đều có thể sử dụng được	Bất kỳ loại âm nhạc nào phù hợp với Thể dục Aerobic đều có thể sử dụng được
Động tác cấm	Không được chống đẩy 1 tay Không được chống ke 1 tay Không được tiếp đất 1 tay Không được nhào lộn santo Không được uốn dẻo	Không được chống đẩy 1 tay Không được chống ke 1 tay Không được tiếp đất 1 tay Không được nhào lộn santo Không được uốn dẻo

BẢNG 2 (Cấp THCS)

NỘI DUNG	BÀI TỰ CHỌN 3 NGƯỜI	BÀI TỰ CHỌN 8 NGƯỜI
Thời gian	1'45 ± 10'' (không bao gồm tiếng bíp đầu)	2'30 ± 10'' (không bao gồm tiếng bíp đầu)
Diện tích sàn	10 x 10m	12 x 12m
Đội hình	Tối thiểu 4 đội hình (không tính mở bài và kết thúc)	Tối thiểu 4 đội hình (không tính mở bài và kết thúc)

Tháp	2	2
Vũ đạo 7 bước cơ bản	50%	50%
Động tác Thể dục cơ bản	50%	50%
Kỹ thuật	6 động tác độ khó (trong đó có ít nhất 1A, 1B, 1C, 1D)	6 động tác độ khó (trong đó có ít nhất 1A, 1B, 1C, 1D)
Âm nhạc	Bất kỳ loại âm nhạc nào phù hợp với Thể dục Aerobic đều có thể sử dụng được	Bất kỳ loại âm nhạc nào phù hợp với Thể dục Aerobic đều có thể sử dụng được
Động tác cầm	Không được chống đẩy 1 tay Không được chống ke 1 tay Không được tiếp đất 1 tay Không được nhào lộn santo Không được uốn dẻo	Không được chống đẩy 1 tay Không được chống ke 1 tay Không được tiếp đất 1 tay Không được nhào lộn santo Không được uốn dẻo

BẢNG 3 (Cấp THPT)

NỘI DUNG	BÀI TỰ CHỌN 3 NGƯỜI	BÀI TỰ CHỌN 8 NGƯỜI
Thời gian	2'00 ± 10'' (không bao gồm tiếng bíp đầu)	2'45 ± 10'' (không bao gồm tiếng bíp đầu)
Diện tích sàn	10 x 10m	12 x 12m
Đội hình	Tối thiểu 5 đội hình (không tính mở bài và kết thúc)	Tối thiểu 5 đội hình (không tính mở bài và kết thúc)
Tháp	3	3
Vũ đạo 7 bước cơ bản	50%	50%
Động tác Thể dục cơ bản	50%	50%
Kỹ thuật	8 động tác độ khó (trong đó có ít nhất 1A, 1B, 1C, 1D)	8 động tác độ khó (trong đó có ít nhất 1A, 1B, 1C, 1D)
	Bất kỳ loại âm nhạc nào	Bất kỳ loại âm nhạc nào

Âm nhạc	phù hợp với Thể dục Aerobic đều có thể sử dụng được	phù hợp với Thể dục Aerobic đều có thể sử dụng được
Động tác cầm	Không được chống dầy 1 tay Không được chống ke 1 tay Không được tiếp đất 1 tay Không được nhào lộn santo Không được uốn dẻo	Không được chống dầy 1 tay Không được chống ke 1 tay Không được tiếp đất 1 tay Không được nhào lộn santo Không được uốn dẻo

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này; Mỗi cấp được xếp hạng theo điểm số từ cao xuống thấp. Nếu có 2 đội bằng điểm nhau thì đội nào có số lượng vận động viên nam đông hơn sẽ được xếp trên.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Ngoài những quy định trên đây, những yêu cầu cụ thể của môn Thể dục áp dụng theo Luật Thể dục Aerobic Hội Khỏe Phù Đổng do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

Điều 18. MÔN KARATEDO

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Tính chất: Thi đấu cá nhân và đồng đội.

3. Nội dung:

3.1. THCS:

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV;
- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV;
- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite đồng đội nam: 05 VĐV + 02 dự bị;
- Thi Kumite đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV tham gia cho mỗi hạng cân:
+ Nam: Đến 40kg, đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg;
+ Nữ: Đến 36kg, đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg.

3.2. THPT:

- Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV;

- Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV;
- Thi Kata Cá nhân: 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite Đồng đội nam: 05 VĐV nam + 02 dự bị;
- Thi Kumite Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân:
 - + Thi Kumite cá nhân nam ở các hạng cân: Đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg;
 - + Thi Kumite cá nhân nữ ở các hạng cân: Đến 40 kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg.

4. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật mới của liên đoàn Karatedo thế giới (WKF) do Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành năm 2018.

*** Các VĐV phải được trang bị bắt buộc:**

- Quần áo thi đấu Karatedo đúng quy định;
- Các dụng cụ bảo vệ: Bịt răng, Crokulle, găng thi đấu 02 loại màu xanh, đỏ;
- Bảo vệ ngực, bảo vệ hạ bộ.
- Đai thi đấu 2 loại xanh đỏ;
- Bảo vệ ống quyển + bàn chân 2 màu xanh, đỏ.

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 19. MÔN TAEKWONDO

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Tính chất thi đấu: Đối kháng cá nhân và đồng đội (nam, nữ); quyền cá nhân, đôi nam – nữ và đồng đội (nam, nữ).

3. Nội dung thi đấu :

3.1. Đối kháng cá nhân:

- Lứa tuổi THCS:

+ Nam: dưới 33kg, 37kg, 41 kg, 45 kg, 49 kg, 53kg, 57kg, 61kg, 65kg;

+ Nữ : dưới 29kg, 33kg, 37 kg, 41 kg, 44 kg, 47kg, 51kg, 55kg, 59kg;

- Lứa tuổi THPT:

+ Nam : dưới 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg 73kg, 78kg;

+ Nữ : dưới 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg.

3.2. Đối kháng đồng đội THPT:

- Đồng đội nam: 03 VĐV không quá 170kg và không có VĐV nào quá 59kg;

- Đồng đội nữ: 03 VĐV không quá 150kg và không có VĐV nào quá 55kg;

- Các VĐV có thể cân lại một lần nếu có yêu cầu.

3.3. Thi quyền tiêu chuẩn (standard poomsae) cá nhân nam, cá nhân nữ; đồng đội nam, đồng đội nữ và đôi nam - nữ.

- Lựa tuổi THCS:

+ Vòng loại và tứ kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 08 bài quyền Taegeuk 4, 5, 6,7,8, Koryo, Keumgang, Taebaek;

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 06 bài quyền còn lại.

- Lựa tuổi THPT:

+ Vòng loại và tứ kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 07 bài quyền Taegeuk 6,7,8, Koryo, Keumgang, Taebaek, Pyongwon;

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 05 bài quyền còn lại.

4. Thể thức thi đấu: Đấu loại trực tiếp

5. Số lượng VĐV:

5.1. Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV tham gia thi đấu ở mỗi hạng cân và 01 VĐV tham thi đấu quyền ở mỗi cấp học.

5.2. Thi đấu đối kháng đồng đội: Mỗi đơn vị chỉ được phép tham dự 01 trong 04 nội dung (nam, nữ) thi đấu đối kháng đồng đội.

5.3. Thi quyền: Mỗi đơn vị chỉ được phép cử thi đấu 03 trong 05 nội dung thi đấu quyền của THCS và THPT.

6. Luật thi đấu:

Áp dụng Luật của Liên đoàn Teakwondo thế giới do Tổng cục Thể dục Thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

7. Thời gian thi đấu:

- THCS : 3 hiệp x 1 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 1 phút;

- THPT: 3 hiệp x 1 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.

8. Các quy định khác :

8.1. Phải có võ phục Taekwondo có in tên đơn vị ở trước ngực và lưng áo.

8.2. Quần áo phải sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, không để móng tay, móng chân dài.

8.3. Phải có trang thiết bị bảo vệ cá nhân (ống tay, ống chân, kuki).

9. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

10. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 20. VÕ CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu: tại trung tâm TDTT tỉnh

3. Nội dung: Thi quyền cấp THCS và THPT

3.1. Cấp THCS:

a) Bài căn bản công pháp số II (36 động tác):

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

- Nội dung tập thể (từ 06-10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ);

- Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

b) Bài Ngọc Trản Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

3.2. Cấp THPT:

a) Bài Căn bản công pháp số III (45 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

- Nội dung tập thể (từ 06-10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ);

- Nội dung đôi luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp số III (45 động tác).

b) Bài Lão Mai Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

4. Số lượng VĐV tham gia: Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung và mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 06 nội dung thi đấu/bài quyền của mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

5.1. Luật thi đấu: Thi đấu theo Luật Võ Cổ truyền Việt Nam do Tổng cục TDTT ban hành năm 2016.

5.2. Trang phục: Trang phục Võ Cổ truyền Việt Nam theo quy định của Liên đoàn Võ Cổ truyền Việt Nam.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định lại Điều 7 của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 21. MÔN VOVINAM

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 – Chương I của Điều lệ này.

2. Địa điểm thi đấu: tại trung tâm TDTT tỉnh

3. Nội dung: Thi quyền và thi đấu đối kháng

3.1. Phần thi quyền:

3.1.1. THCS:

- Đơn luyện nam: Tứ trụ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;

- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;

- Song luyện nam: Song luyện 1;

- Song luyện nữ: Song luyện 1.

3.1.2. THPT:

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền và Tứ tượng côn pháp ;

- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;

- Song luyện nam: Song luyện số 3;
- Song luyện nữ: Song luyện số 3;
- Đa luyện nam: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đòn chân tấn công nam: Mỗi đơn vị cử một đội gồm 4 VĐV, mỗi VĐV thi 4 đòn chân;
- Tự vệ nữ: Thực hiện tối thiểu 12 đòn, không quá 3 phút;
- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm của 3/5 trọng tài giám định (bỏ điểm cao nhất và thấp nhất);
- Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 2 hay nhiều VĐV, tập thể bằng điểm nhau thì xét VĐV, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài cho điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng.

3.2. Phân thi đấu đối kháng:

3.2.1. THCS:

- Nam thi 5 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg;
- Nữ thi 5 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg.

3.2.2. THPT:

- Nam thi 6 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg và trên 51 kg đến 54 kg;
- Nữ thi 6 hạng cân: Trên 36 kg đến 39 kg, trên 39 kg đến 42 kg, trên 42 kg đến 45 kg, trên 45 kg đến 48 kg, trên 48 kg đến 51 kg, trên 51 kg đến 54 kg.

4. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

5. Số lượng VĐV tham gia:

5.1. Thi Quyên:

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV hoặc một đội ở mỗi nội dung (một bài) thi;
- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

5.2. Thi đấu đối kháng: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV thi đấu ở 1 hạng cân.

6. Luật thi đấu và thời gian thi đấu:

6.1. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-TCTDTT ngày 23/3/2018.

6.2. Trang phục: Quần áo võ phục, binh khí, bảo hiểm hạ bộ, răng, băng tay của VĐV đơn vị tự trang bị (*áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do Ban Tổ chức trang bị*).

6.3. Các VĐV đăng ký ở hạng cân nào thì bốc thăm, xếp lịch thi đấu ở hạng cân đó. Ban tổ chức sẽ bố trí cân để các VĐV cân thử, điều chỉnh danh sách đăng ký chính thức trước buổi họp chuyên môn, bốc thăm xếp lịch.

6.4. Các VĐV tham gia thi đấu đối kháng trong ngày sẽ cân chính thức vào 6 - 7 giờ sáng cùng ngày, những VĐV thừa cân sẽ bị loại, VĐV còn lại thắng kỹ thuật.

6.5. Thời gian thi đấu đối kháng:

- THCS: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30, nghỉ giữa các hiệp 1 phút;

- THPT: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 2 phút, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.

7. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 – Chương I của Điều lệ này.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 22. MÔN ĐẨY GẬY

1. Đối tượng dự thi và lứa tuổi: Theo qui định của mục 2, Điều 4, Chương I.

- Cấp THCS:

- Nam thi đấu 6 hạng cân: Đến 41kg, trên 41kg đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg, trên 50kg đến 53kg, trên 53kg đến 56 kg;

- Nữ thi đấu 6 hạng cân: Đến 35kg, trên 35kg đến 38kg, trên 38kg đến 41kg, trên 41kg đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg.

2. Thẻ thức thi đấu : Tuỳ theo số lượng VĐV tham dự Ban Tổ chức sẽ quy định thẻ thức thi đấu.

3. Số lượng VĐV tham gia:

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV thi đấu cho mỗi hạng cân.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành.

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I.

6. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi hạng cân.

Điều 23. MÔN KÉO CO

1. Đối tượng: Theo qui định của mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

Mỗi đơn vị được cử tối đa 01 đội cho các nội dung thi. Mỗi đội tối đa có 13 VĐV (08 chính thức, 05 dự bị).

2. Tính chất: Thi đấu đồng đội nam, đồng đội nữ, đồng đội nam nữ phối hợp (4 nam, 4 nữ)

3. Nội dung thi đấu

3.1. Cấp THCS:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 400kg;
- Đồng đội nam nữ phối hợp thi đấu 01 hạng cân: không quá 420kg.

3.2. Cấp THPT:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 480kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Đồng đội nam, nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 460kg.

4. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số đội tham gia và các Điều kiện khác; Ban Tổ chức sẽ lựa chọn hình thức thi đấu loại trực tiếp hoặc vòng tròn cho phù hợp.

- Thi đấu trong nhà (sàn xi măng, sàn gỗ hoặc theo sàn của nhà thi đấu);
- VĐV mặc trang phục thi đấu đúng quy định của Luật;
- Thi đấu mỗi trận 3 hiệp, thắng 2;
- Mỗi hạng cân phải có từ 3 đội trở lên mới tổ chức thi đấu;
- Cân kiểm tra VĐV, từ 6h00 - 7h00 các ngày thi đấu.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo luật thi đấu môn Kéo co hiện hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 - Chương I của Điều lệ này.

7. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Chương III

KHIẾU NẠI - KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 24. KHIẾU NẠI

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại. Khi khiếu nại phải có văn bản nộp cho Ban Trọng tài cuộc thi khi xảy ra sự cố. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, luật do Ban Trọng tài cuộc thi xử lý, giải quyết tại chỗ. Ban trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc. Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thỏa đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức HKPD, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

2. Các khiếu nại về nhân sự:

Chỉ có Trưởng đoàn mới có quyền khiếu nại và phải có văn bản nộp cho Ban Tổ chức cuộc thi. Ban Tổ chức sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 10 ngày sau khi HKPD kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 25. KHEN THƯỞNG

1. Căn cứ vào kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể các đơn vị, sở giáo dục và Đào tạo khen thưởng như sau:

1.1. Tặng Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và giải thưởng cho các cá nhân, đồng đội đạt thành tích nhất, nhì, ba theo Điều lệ từng môn.

1.2. Tặng cờ nhất, nhì, ba và giải thưởng toàn đoàn cho các đơn vị.

1.3. Tặng Bằng khen của UBND tỉnh cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc tại HKPD.

1.4. Cấp Giấy chứng nhận “Huy chương” cho các học sinh đạt thành tích xếp hạng từ thứ nhất đến thứ ba ở các nội dung thi của HKPD.

Điều 26. KỶ LUẬT

1. Bất kỳ cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức HKPD, Ban Tổ chức các cuộc thi và từng môn thể thao trong chương trình HKPD và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Khiếu nại sai sự thật sẽ bị cảnh cáo và đơn vị có đơn tố cáo sai sự thật sẽ bị trừ 30 điểm trong tổng số điểm HKPD của đơn vị đó.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo không xếp loại thi đua theo tiêu chí đánh giá công tác thi đua đối với đơn vị có vi phạm, chuyển Thanh tra sở xử lý theo mức độ vi phạm, thông báo và kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xử lý kỷ luật đối với các cán bộ phụ trách đơn vị có vi phạm theo tinh thần của Chỉ thị 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về “chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao”.

GIÁM ĐỐC

DĂNG KÝ SƠ BỘ THAM GIA HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG TỈNH ĐỒNG NAI
LẦN THỨ X NĂM 2020

Số lượng thành viên:.....người

- Tổng số cán bộ, Huấn luyện viên:.....người

- Tổng số VĐV,người

- Họ và tên Trưởng đoàn:điện thoại CĐ:DD:.....

Đăng ký môn thi và số lượng vận động viên từng môn

TT	MÔN	TH		THCS		THPT		TỔNG SỐ (VĐV)	GHI CHÚ
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Điền kinh								
2	Bơi lội								
3	Bóng bàn								
4	Bóng chày								
5	Bóng đá								
6	Bóng rổ								
7	Đá cầu								
8	Cầu lông								
...	...								
15	...								

....., ngàythángnăm 20

TRƯỞNG PHÒNG (HIỆU TRƯỞNG)

(ký tên và đóng dấu)

PHÒNG (TRƯỜNG THPT....)
Huyện, thành phố.....

Mẫu 2

**ĐĂNG KÝ DANH SÁCH CÁN BỘ VẬN ĐỘNG VIÊN THAM GIA
HỘI KHỎE PHỤ ĐỒNG TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ X NĂM 2020**

- Tổng số cán bộ:.....người (Nam:.....Nữ:
- Tổng số Huấn luyện viên:.....người (Nam:.....Nữ:
- Tổng số VĐV,người (Nam:.....Nữ:
- Tổng số các thành viên của đoàn:.....người (Nam:.....Nữ:
- Họ và tên Trưởng đoàn:điện thoại CĐ:DD:.....

Danh sách cán bộ và VĐV của đoàn:

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	DÂN TỘC	CHỨC VỤ	NƠI CÔNG TÁC(HỌC TẬP)	MÔN THI	GHI CHÚ
1								
2								
3								
	Tổng số							

....., ngàythángnăm 20
TRƯỞNG PHÒNG (HIỆU TRƯỞNG)
(ký tên và đóng dấu)

PHÒNG (TRƯỜNG THPT....)
Huyện, thành phố.....

Mẫu 3

ĐĂNG KÝ HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ X NĂM 2020

BẢN ĐĂNG KÝ MÔN THI

MÔN THI:.....

Cán bộ phụ trách:.....điện thoại CD:DD:.....

Danh sách cán bộ và VĐV tham dự

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	DÂN TỘC	CHỨC VỤ	NỘI DUNG				GHI CHÚ
1										
2										
3										
4										
	Tổng số									

....., ngàythángnăm 20
TRƯỞNG PHÒNG (HIỆU TRƯỞNG)
(ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các đơn vị đăng ký cụ thể tất cả các nội dung mà VĐV dự thi.

**ĐĂNG KÝ ẢNH CÁC THÀNH VIÊN
THAM DỰ HỘI KHỎE PHỤ ĐỒNG TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ X NĂM 2020
(để làm thẻ đeo)**

Đơn vị:

3x4			
Họ và tên: Ngày,tháng, năm sinh:		Họ và tên: Ngày,tháng, năm sinh:	
Họ và tên: Ngày,tháng, năm sinh:		Họ và tên: Ngày,tháng, năm sinh:	
Họ và tên: Ngày,tháng, năm sinh:		Họ và tên: Ngày,tháng, năm sinh:	

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (TRƯỜNG THPT...)

Huyện, (Thành phố):.....

Mẫu 5

PHIẾU DỰ THI HỘI KHOẺ PHÙ ĐÔNG TỈNH ĐÔNG NAI LẦN THỨ X- 2020

Môn thi :

Bậc học:

Ảnh cỡ 3x4
có dấu giáp
lai của
trường

- Họ và tên học sinh : Nam nữ :

- Ngày tháng năm sinh :

- Lớp : Trường :

- Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú :

Chữ ký của học sinh:

- Xếp loại học lực : Hạnh kiểm:

Hiệu trưởng trường
(Ký, đóng dấu)

Phòng GDĐT (Hiệu Trưởng)
(Ký, đóng dấu)

Lưu ý: Đối với HS tiểu học không phải ghi phân xếp loại học lực và hạnh kiểm

